Tand thµnh phè H-ng Y^a^n **TØnh H-ng y^a^n** ***** B¶n ¸n sè: 21/2018/HNG§-ST Ngµy 16/10/2018 *V/v: "Tranh chÊp vÒ h«n nh©n gia ®×nh"*	**Céng hßa x· héi chñ nghÜa viÖt nam** **§éc lËp - Tù do - H¹nh phóc** ---------- ----------

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:***Ông Nguyễn Minh Ngọc**.
*Các Hội thẩm nhân dân:***1. Bà Vũ Thị Thùy Đông.**
2. Bà Nguyễn Thị Hệ.
*Thư ký phiên toà:***Bà Vũ Thúy Hằng** - cán bộ Toà án nhân dân thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên;
Đại diện Viện kiểm sát nhân dânthành phố Hưng Yêntham gia phiên toà: **Bà Trần Thị Yến** - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hưng Yên xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 90/2018/HSST ngày 13/6/2018 về tranh chấp hôn nhân gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2018/QĐXXST – HNGĐ ngày 06/9/2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:Chị Trần Thị Phương A, sinh năm: 1992.

HKTT: Xóm 4, xã N, huyện N, tỉnh N.

Địa chỉ: Số 02 đường Lương Thế V, phường Tri, thành phố V, tỉnh N, có mặt tại phiên tòa

- Bị đơn: Anh Chu Văn H, sinh năm: 1976.

Địa chỉ: Số 122 đường Đ, phường L, thành phố H, tỉnh H. (vắng mặt lần 2 không có lý do).

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chu Ngọc Bảo Tr, sinh ngày 23/4/2016, cháu đang ở với anh H, cháu Tr dưới 36 tháng tuổi.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho cháu Tr: Bà Đỗ Thị H - trợ giúp viên pháp lý trung tâm trợ giúp pháp lý Sở tư pháp tỉnh Hưng Yên

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Trần Thị Phương A trình bày:

Chị A và anh Chu Văn H đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại UBND xã N, huyện N, tỉnh N. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống cùng nhau tại phòng 224 chung cư C1 Đội Cung thuộc khối 3, phường Đ, thành phố V, tỉnh N đến tháng 9/2017 chuyển về gia đình bên ngoại tại xóm 4, xã N, huyện N, tỉnh N.

Trong quá trình chung sống thời gian đầu tình cảm bình thường, từ tháng 5/2017 giữa hai vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H sống vô tâm, vô trách nhiệm với vợ con, không thống nhất được với nhau về vấn đề kinh tế, con cái, cách cư xử với hai bên nội ngoại nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Mâu thuẫn trầm trọng từ tháng 02/2018, khi đó anh H đã làm đơn xin ly hôn chị ra Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh N, sau đó anh H lại rút đơn và bỏ về bên nội tại phường L, thành phố H, tỉnh H. Hiện nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, vợ chồng mỗi người một nơi, không còn sự quan tâm, yêu thương nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu giải quyết ly hôn với anh H

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là cháu Chu Ngọc Bảo Tr, sinh ngày 23/4/2016, hiện tại cháu đang ở với anh H, quan điểm của chị khi ly hôn muốn được trực tiếp chăm sóc giáo dục cháu và yêu cầu anh H cấp dưỡng 2.000.000đ/tháng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai của anh Chu Văn H trình bày:

Anh và chị Trần Thị Phương A đăng ký kết hôn vào ngày 16/9/2015 do hai bên tự nguyện, có thời gian tìm hiểu nhau, đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện N, tỉnh N. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại phòng 224 chung cư C1, Đội Cung đến tháng 7/2017 vợ chồng hết hợp đồng thuê nhà nên chuyển về sinh sống với gia đình bên ngoại tại xóm 4, xã N, huyện N, tỉnh N. Cuộc sống vợ chồng từ khi kết hôn cơ bản là hạnh phúc, thỉnh thoảng có những mâu thuẫn nhỏ do nguyên nhân kinh tế gia đình gặp khó khăn. Mâu thuẫn trầm trọng từ ngày 28/02/2018, anh đã nộp đơn xin ly hôn lên Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh N nhưng sau đó xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn nên anh đã rút đơn và kể từ ngày 28/02/2018 anh cùng con gái về sinh sống tại Số 122 đường Đ, phường L, thành phố H, tỉnh H và đề nghị Tòa ánh nhân dân Thành phố Vinh chuyển hồ sơ vụ án ly hôn giữa chị Phương A với anh về Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hđể giải quyết. Hiện nay chị Phương A xin ly hôn anh, anh không đồng ý vì tình

cảm vợ chồng vẫn còn nên mong muốn chị Phương A suy nghĩ lại để vợ chồng đoàn tụ nuôi con.

Do anh không nhất trí ly hôn nên về vấn đề con chung anh chưa đề cập giải quyết .

Về tài sản chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Sau khi nhận được hồ sơ của TAND thành phố Vinh chuyển về TAND thành phố Hưng Yên, Tòa án nhân dân TP Hưng Yên đã thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục chung, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu như trình bày ở trên, bị đơn đã nhiêù lần tòa án kết hợp xuống gia đình lấy lời khai nhưng gia đình không hợp tác, không cho biết thông tin về anh H nên không lấy được lời khai của anh H.

Tại phiên tòa hôm nay.

Nguyễn đơn trình bày: Vợ chồng mới cưới nhau nhưng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H không quan tâm đến vợ, sống thiếu trách nhiệm, nay chị đề nghị Tòa cho chị được ly hôn anh Chu Văn H, về con chung vợ chồng chị có 1 con chung là cháu Chu Ngọc Bảo Tr, sinh ngày 23/4/2016, chị xin nuôi cháu, về tiền cấp dưỡng nuôi con đề nghị anh H cấp dưỡng 3.000.000đ/tháng. Về tài sản và số nợ không có, không đề nghị Tòa giải quyết.

Anh Chu Văn H vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hưng Yên phát biểu ý kiến xác định việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng qui định pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Phương A được ly hôn anh Chu Văn H, về con chungcháu Chu Ngọc Bảo Tr, sinh ngày 23/4/2016, giao cháu Tr cho chị Phương A trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu tròn 18 tuổi, buộc anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung số tiền là 1.500.000đ/tháng.

Quan điểm người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho cháu Chu Ngọc Bảo Tr: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Phương A được ly hôn anh Chu Văn H, về con chung do cháu Chu Ngọc Bảo Tr, sinh ngày 23/4/2016 dưới 36 tháng tuổi nên đề nghị giao cháu Tr cho chị Phương A trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu tròn 18 tuổi, buộc anh H phải cấp dưỡng nuôi con theo qui định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên nhận định:

[1] Về tố tụng: Vụ án được giải quyết tại Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Chu Văn H là bị đơn xác định hiện tại không sống tại thành phố Vinh mà chuyển về sống tại Số 122 đường Đ, phường L, thành phố H, tỉnh H. Anh H đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên giải quyết. Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên đã tiến hành xác minh tại tổ trưởng tổ dân phố cung cấp anh H thi thoảng có về nhà. Nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên.

[2] Về hôn nhân: Chị Trần Thị Phương A và anh Chu Văn H đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện N, tỉnh N vào năm 2015 xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn anh chị chung sống cùng nhau, thời gian đầu bình thường. Sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do không thống nhất được với nhau về kinh tế, con cái, và các mối quan hệ nội ngoại. Mâu thuẫn trầm trọng từ tháng 02/2018, anh H đã nộp đơn xin ly hôn chị Phương A nhưng do xác định tình cảm vẫn còn nên rút đơn, TAND huyện N, tỉnh Nđã ra QĐĐC số 05 ngày 07/03/2018. Từ thời điểm đó anh H chuyển về thành phố Hưng Yên sinh sống. Anh H không nhất trí ly hôn mong vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy con. Tuy nhiên sau khi TAND huyện Nghĩa Đàn ra QĐĐC anh H không có động thái hàn gắn tình cảm, mỗi người một nơi, vợ chồng không có trách nhiệm với nhau. Nay xét thấy mâu thuẫn của anh chị đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không có, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận việc chị Phương A xin ly hôn anh H.

[3] Về con chung: Vợ chồng có một con chung cháu Chu Ngọc Bảo Tr, sinh ngày 23/4/2016, hiện tại cháu đang sống với anh H. Chị Phương A có nguyện vọng nhận nuôi cháu. HĐXX thấy cháu Bảo Tr tính đến nay chưa đủ 36 tháng tuổi theo quy định của pháp luật, con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục. Do vậy giao cháu Chu Ngọc Bảo Tr cho chị Trần Thị Phương A trực tiếp chăm sóc giáo dục cho đến khi 18 tuổi.

Xét yêu cầu đề nghị của chị Phương A tại phiên tòa yêu cầu anh Chu Văn H cấp dưỡng 3.000.000đ/tháng, HĐXX xét thấy yêu cầu này là cao, nên HĐXX buộc anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng số tiền 1.500.000đ/tháng, thời điểm cấp dưỡng từ tháng 11/2018 đến khi cháu Tr tròn 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự thống nhất không có tài sản chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Trần Thị Phương A và anh Chu Văn H phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 57,81, 82, 83, Luật hôn nhân gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 5, điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 qui định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Phương A.

Xử cho chị Trần Thị Phương A được ly hôn với anh Chu Văn H.

2. Về con chung: Giao cháu Chu Ngọc Bảo Tr, sinh ngày 23/4/2016 cho chị Trần Thị Phương A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu tròn 18 tuổi. Anh H phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cón chung mỗi tháng là 1.500.000đ (Một triệu năm trăm ngàn đồng chẵn), thời điểm anh H phải cấp dưỡng từ tháng 11 năm 2018 cho đến khi cháu Chu Ngọc Bảo Tr tròn 18 tuổi.

Anh H được quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung. Chị Phương A và các thành viên trong gia đình không được ngăn cản anh H chăm sóc con chung.

3. Về tài sản chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị Phương A phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị Phương A đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí số 2358 ngày 17/4/2018 của Chị cục thi hành án dân sự thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Chị Phương A đã nộp đủ án phí.

Anh H phải chịu án phí sơ thẩm cấp dưỡng là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*).

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn, báo cho Nguyên đơn biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án.

HỘI THẨM NHÂN DÂN ThÈm ph¸n - chñ täa phi³n tßa

VŨ THỊ THÙY ĐỒNG **NGUYỄN THỊ HỆ** **NGUYỄN MINH NGỌC**